

Lớp	Toán			Tiếng Việt			Ngoại ngữ			Tổng hợp		
	TBC TT	Vị thứ	TBC CK	TBCTT	Vị thứ	TBC CK	TBCTT	Vị thứ	TBC CK	TBCTT	Vị thứ	TBC CK
1A	5,96	5	6,96	6,2	3	7,13				6,08	4	7,05
1B	6,4	3	6,92	6,21	2	6,77				6,3	3	6,89
1C	6,47	2	7,07	6,2	3	7,03				6,33	2	7,05
1D	6,52	1	7,15	6,61	1	7,3				6,56	1	7,22
1E	6,06	4	7,21	5,79	5	6,85				5,92	5	7,04
TB Khối	6,282		7,062	6,202		7,016				6,238		7,05
2A	6,8	2	7,45	6,65	2	7,21				6,72	2	7,33
2B	7,16	1	7,73	6,7	1	7,4				6,94	1	7,55
2C	6,46	3	7,25	6,46	3	7,17				6,49	3	7,2
2D	6,36	4	7,24	6,26	4	7,1				6,31	4	7,17
TB Khối	6,695		7,4175	6,5175		7,22				6,615		7,3125
3A	6	5	7	5,13	4	6,2	5,7	4	6,5	6,14	4	6,9
3B	6,8	2	7,3	5,55	3	6,7	6,7	2	7	6,45	2	7,18
3C	7,06	1	7,89	6,98	1	7,8	6,9	1	7,34	7,02	1	7,69
3D	6,75	3	7,6	5,03	4	6,2	5,5	5	6,7	6,09	5	6,93
3E	6,2	4	7,2	5,66	2	7	6,2	3	7,3	6,4	3	7,4
TB Khối	6,562		7,398	5,67		6,78	6,2		6,968	6,42		7,22
4A	5,8	5	6,8	5,4	5	6,6	5,7	3	6,8	6,1	4	7,1
4B	6	4	7,8	6,09	4	7,91	5,26	4	6,34	6,01	5	7,21
4C	6,1	2	6,9	6,2	3	7	5,9	2	6,8	6,3	2	7
4D	6,4	1	7,4	6,5	1	7,52	4,45	5	6,2	6,15	3	7,33
4E	6,1	2	6,4	6,4	2	7,1	6,7	1	7,3	6,59	1	7,43
TB Khối	6,08		7,06	6,118		7,226	5,602		6,688	6,23		7,214
5A	5	5	7,2	5,8	4	7,3	5,1	3	6,2	6,36	2	7,4
5B	6	2	6,6	6	2	6,7	5,4	2	6,2	6,2	4	6,95
5C	6	2	6,9	5,9	3	6,8	6,3	1	6,8	6,39	1	6,99
5D	6,5	1	7	6,4	1	6,8	4,8	4	6,1	6,23	3	7,01
5E	5,4	4	6,9	5,5	5	6,5	4,4	5	5,7	5,4	5	6,5
TB Khối	5,78		6,92	5,92		6,82	5,2		6,2	6,116		6,97

Yên Thành, ngày 15 tháng 10 năm 2025



Phan Thị Hiền